

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) Phòng thi: P.Chờ E303
Môn thi: Kỹ năng nói Ca thi: 13h00 Ngày thi: 24/03/2022

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0111	Đào Trọng	Linh	21/11/1999				
2	TA0112	Đô Nhật	Linh	26/9/1995				
3	TA0113	Lê Khánh	Linh	10/5/1999				
4	TA0114	Nguyễn Thị Hương	Linh	28/10/1999				
5	TA0115	Nguyễn Thùy	Linh	22/8/1999				
6	TA0116	Trần Ngọc	Linh	11/11/1999				
7	TA0117	Vũ Thị Thùy	Linh	29/10/1986				
8	TA0118	Nguyễn Thị	Loan	16/10/1999				
9	TA0119	Phạm Văn	Lợi	10/5/1999				
10	TA0120	Cao Đăng	Long	22/9/1999				
11	TA0121	Chu Xê	Lụ	3/10/1999				
12	TA0122	Đặng Quỳnh	Mai	2/3/1999				
13	TA0123	Đặng Hùng	Mạnh	28/9/1999				
14	TA0124	Trần Thế	Mạnh	1/10/2000				
15	TA0125	Lương Minh	Đức	19/11/1994				
16	TA0126	Nguyễn Mạnh	Hà	20/06/1994				
17	TA0127	Lưu Văn	Hưởng	04/10/1983				
18	TA0128	Nguyễn Trọng	Kính	29/12/1986				
19	TA0129	Nguyễn Tùng	Lâm	03/12/1995				
20	TA0130	Vũ Thị	Lục	22/07/1994				
21	TA0131	Đinh Hồng	Quang	19/05/1987				
22	TA0132	Phạm Thị	Trà	27/08/1989				
23	TA0133	Vũ Chu	Mạnh	31/07/1997				
24	TA0134	Đào Nhật	Minh	23/12/1999				

25	TA0135	Nguyễn Đăng	Minh	6/11/1999				
26	TA0136	Nguyễn Văn	Minh	28/9/1999				
27	TA0137	Nguyễn Mậu	Muôn	26/12/1999				
28	TA0138	Trịnh Thị Lê	Na	11/1/2000				
29	TA0139	Nguyễn Đồng	Nam	28/10/1999				
30	TA0140	Nguyễn Văn	Nam	30/1/1999				

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ chấm thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)